

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Xuân Vĩnh;
2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: **274/2021/TLST-HNGĐ** ngày **14** tháng **12** năm **2021**, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thu T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ 3, thôn N, xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1998; địa chỉ: Số nhà 55 đường Trần Hưng Đạo, khu phố L1, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn, bị đơn đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai, tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án chị Ngô Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Thanh H tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và đã đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại UBND thị trấn L (theo giấy đăng ký kết hôn số 86/2018). Vợ chồng chỉ sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau trong một thời gian ngắn. Thời gian sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, kéo dài. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp tính tình, không tự dung hòa được các

vấn đề trong cuộc sống nên thường bất đồng quan điểm với nhau. Hiện tại chị T đã tự sống ly thân với anh H, không còn tình cảm thương yêu đối với anh H và có nguyện vọng được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H đã sinh được một người con chung là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 18/12/2018. Hiện tại con đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án, bị đơn – anh Nguyễn Thanh H trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Ngô Thị Thu T tự nguyện tìm hiểu đi tới hôn nhân và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện T vào tháng 7/2018. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng hạnh phúc. Khoảng cuối năm 2021 cho đến nay thì cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra bất đồng với nhau dẫn tới mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau đó hai vợ chồng cũng đã tự sống ly thân nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì cả hai không còn sự quan tâm, hỏi han, chăm sóc gì tới nhau. Cho nên hiện nay chị T có yêu cầu ly hôn thì anh H cũng đồng ý vì nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Về con chung: Anh H và chị T có một người con chung tên là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 18/12/2018. Hiện tại con đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên anh H đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H chỉ chu cấp cho con theo khả năng của mình.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất với nhau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh H đều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh H đều thống nhất giao con chung Nguyễn Khánh N, sinh ngày 18/12/2018 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất với nhau: Không có.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án, xác định tư cách pháp lý của đương sự; tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức hòa giải.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án để tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Thu T. Chị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh N cho chị Ngô Thị Thu T chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét đến.

Về án phí: Chị Ngô Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Xét yêu cầu ly hôn, nuôi con của chị Ngô Thị Thu T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, chị Ngô Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh H đều vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh H:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H nguyện tìm hiểu đi tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L vào ngày 23/7/2018 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 86/2018). Sau khi kết hôn chị T và anh H chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian. Sau đó cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều bất hòa mâu thuẫn, theo chị T và anh H thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, không tự dung hòa được. Tình trạng mâu thuẫn ngày càng kéo dài dẫn tới việc hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân cả chị T và anh

H đều không còn quan tâm, hỏi han gì đến nhau, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình. Hiện nay chị T có yêu cầu được ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân của chị T và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, trở nên trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại cả chị T và anh H không còn tình cảm thương yêu đối với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung:

Trong quá trình chung sống chị T và anh H đã sinh được một người con chung là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 18/12/2018. Hiện tại chị T đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con. Chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn; anh H cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi.

Xét thấy: Chị T và anh H đã thống nhất với nhau về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Khánh N sau khi ly hôn. Do đó cần tiếp tục giao cho chị Ngô Thị Thu T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con; anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T là người có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn nhưng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét là phù hợp.

[4] Về án phí:

Chị Ngô Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 4 điều 147, Điều 203; **khoản 1** Điều 228; các Điều 262, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ngô Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung:

Giao cho chị Ngô Thị Thu T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 18/12/2018 cho đến khi thành niên.

Anh Nguyễn Thanh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí:

Chị Ngô Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số **0007617 ngày 14/12/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày **nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.**

(Đã giải thích quyền kháng cáo)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- **UBND thị trấn L;**
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mận